

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/HS-ST

Ngày: 15 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đại Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng.

2. Bà Bùi Thị Phương Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27A/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Hoàng Th, sinh ngày: 24/6/1996, Giới tính: Nam; Quê quán: thành phố X, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: tổ 01, khóm G, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: không; con ông Trần Thái T, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1968; anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là người thứ hai.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 26/9/2011, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 10 năm tù về tội "Giết người" đến ngày 30/5/2018 chấp hành xong, đã xóa án tích theo quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 01/3/2022 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Bùi Thị Thu Tr, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 8, khóm D, phường K,

thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Ông Trần Cảnh T, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ 16, khóm Vĩnh Đông 1, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang, có mặt;

- Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1972; nơi cư trú: tổ 02, khóm Vĩnh Phước, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang, có mặt;

- Ông Nguyễn Quang N, sinh năm 1976; nơi cư trú: tổ 8, khóm G, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990; nơi cư trú: khóm G, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt;

- Bà Cao Thị H, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 04, khóm G, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Người làm chứng:

- Ông Trần Nguyên Đáng V, sinh năm 1987, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993, vắng mặt;

- Ông Trần Hữu P, sinh năm 1952, vắng mặt;

- Bà Võ Thị Th1, sinh năm 1970, vắng mặt;

- Ông Nguyễn Thành Ph, sinh năm 1996, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2018 đến ngày 20/7/2021, xuất phát từ quan hệ quen biết và cùng sống trên địa bàn phường K, thành phố X, Trần Hoàng Th đã nhiều lần cho Cao Thị H, Nguyễn Thị T1, Bùi Thị Thu Tr, Trần Cảnh T, Trần Thị Kim C và Nguyễn Quang N vay tiền với lãi suất cao. Tổng số tiền Th cho những người này vay là 52.500.000 đồng. Việc thỏa thuận vay giữa Th và những người vay không làm hợp đồng, 01 tháng tính 30 ngày, thực hiện thanh toán lãi hàng ngày và không thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền gốc; lãi suất Th cho vay 10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 1%/ngày, 360%/năm, cao gấp 18 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm). Đối với người vay thực hiện thanh toán lãi không đúng thỏa thuận, Th tính lãi suất 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 2%/ngày, 720%/năm, cao gấp 36 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự; có trường hợp Th tính lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng với lãi suất 5%/ngày, 1.800%/năm cao gấp 90 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền lãi Th Thu được của những người vay là 179.524.880 đồng, cụ thể như sau:

1. Bà Cao Thị H vay của Th 02 lần với số tiền nợ gốc là 6.000.000 đồng:

- Ngày 01/9/2018, Th cho bà Huệ vay 2.000.000 đồng với mức lãi suất là 1%/ngày, mỗi ngày bà Huệ phải thanh toán 20.000 đồng, đến ngày 31/8/2019 Th đã thu của bà Huệ 7.300.000 đồng tiền lãi, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Th được phép thu là 408.800 đồng, Th thu lợi bất chính 6.891.200 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

- Ngày 01/9/2019, Th cho bà Huệ vay 4.000.000 đồng, cộng với nợ gốc ban đầu tổng cộng là 6.000.000 đồng, mỗi ngày bà Huệ phải thanh toán cho Th 60.000 đồng, đến ngày 29/7/2021 Th đã thu của bà Huệ 41.820.000 đồng tiền lãi, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Th được phép thu là 2.341.920 đồng, Th thu lợi bất chính 39.478.080 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

2. Bà Nguyễn Thị T1 vay Th với số tiền nợ gốc 3.500.000 đồng: Ngày 01/6/2019, Th cho bà Thêm vay 3.500.000 đồng với mức lãi suất là 1%/ngày, mỗi ngày bà Thêm phải thanh toán 35.000 đồng, đến ngày 30/6/2021 Th đã thu của bà Thêm 26.635.000 đồng tiền lãi, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Th được phép thu là 1.491.560 đồng, Th thu lợi bất chính 25.143.440 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

3. Bà Bùi Thu Tr vay Th 02 lần với số tiền nợ gốc là 11.000.000 đồng:

- Ngày 08/7/2019, Th cho bà Tr vay 10.000.000 đồng có thể chấp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Wave Anpha với mức lãi suất là 1%/ngày, mỗi ngày bà Tr phải thanh toán 100.000 đồng, đến ngày 08/10/2019, do không có tiền trả lãi, bà Tr đã thỏa thuận bán xe đã thế chấp cho Th để trả nợ gốc và lãi. Với khoản vay này, Th đã thu của bà Tr 10.000.000 đồng tiền lãi và 1.000.000 đồng tiền phí giấy tờ, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Th được phép thu là 504.800 đồng, Th thu lợi bất chính 9.496.000 đồng. Bà Tr đã thanh toán nợ gốc 10.000.000 đồng.

- Ngày 01/11/2019, Th cho bà Tr vay 1.000.000 đồng, do lần vay trước đó bà Tr thanh toán lãi không đúng thỏa thuận nên mức lãi suất của lần vay này là 2%/ngày, mỗi ngày bà Tr phải thanh toán 20.000 đồng đến ngày 31/10/2019 thì ngưng đóng lãi. Từ ngày 01/11/2020, do bà Tr không thanh toán tiền lãi đúng hạn nên Th tăng mức lãi suất lên 5%/ngày, mỗi ngày bà Tr phải thanh toán 50.000 đồng, đến ngày 10/02/2021, Th đã thu của bà Tr 14.220.000 đồng tiền lãi, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Th được phép thu 262.080 đồng, Th thu lợi bất chính 13.957.920 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

4. Ông Trần Cảnh T vay Th với số tiền nợ gốc 3.000.000 đồng: Ngày 01/02/2020, Th cho ông Trường vay 3.000.000 đồng với mức lãi suất là 1%/ngày, mỗi ngày ông Trường phải thanh toán 30.000 đồng, đến ngày 28/02/2021 Th đã thu của ông Trường 11.790.000 đồng tiền lãi, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Th

được phép thu là 660.240 đồng, Th thu lợi bất chính 11.129.760 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

5. Bà Trần Thị Kim C vay Th với số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng: Ngày 19/9/2020, Th cho bà Chi vay 25.000.000 đồng với mức lãi suất là 1%/ngày, mỗi ngày bà Chi phải thanh toán 250.000 đồng cho đến ngày 10/7/2021, sau đó bà Chi đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh nên tháng 11/2020, bà Chi chỉ thanh toán cho Th được 1.000.000 đồng tiền lãi, tổng cộng Th đã thu của bà Chi 67.250.000 đồng tiền lãi, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Th được phép thu là 4.130.000 đồng, Th thu lợi bất chính 63.120.000 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

6. Ông Nguyễn Quang N vay Th với số tiền nợ gốc 4.000.000 đồng: Ngày 17/10/2020, Th cho ông Nghĩa vay 4.000.000 đồng với mức lãi suất là 1%/ngày, mỗi ngày ông Nghĩa phải thanh toán 40.000 đồng, đến ngày 20/7/2021 Th đã thu của ông Nghĩa 10.920.000 đồng tiền lãi, trừ đi số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Th được phép thu là 611.520 đồng, Th thu lợi bất chính 10.308.480 đồng. Số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Vật chứng thu giữ: 01 giấy thỏa thuận vay tiền giữa Trần Hoàng Th và người vay tiền Trần Thị Kim C, ghi ngày 25/7/2021.

Ngày 11/02/2022 và ngày 01/3/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố X ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Hoàng Th.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKSCĐ-HS ngày 09/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X truy tố Trần Hoàng Th về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Ngoài ra, bị cáo còn khai số tiền dùng để cho vay do bị cáo tích lũy được từ việc làm thuê trông coi và sửa chữa máy game bắn cá, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng. Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Cảnh T, bà Trần Thị Kim C có lời khai như trong giai đoạn điều tra. Đồng thời, không yêu cầu nhận lại số tiền lãi đã đóng vượt quá quy định do bị cáo đã xóa nợ gốc cho ông Trường, bà Chi và xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Kiểm sát viên trình bày luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án chỉ có bị cáo tham gia việc cho vay lãi nặng nên không phát sinh vai trò đồng phạm, không có tính chất băng nhóm tội phạm. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu ngày 26/9/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh

An Giang xử phạt 10 năm tù về tội "Giết người" đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích theo quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 01 năm tù. Hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 3 Điều 201 bộ luật hình sự, phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với khoản tiền thu lợi bất chính của bị cáo: do những người vay tiền Huệ, Thêm, Tr, Trường, Chi, Nghĩa không yêu cầu nhận lại, tự nguyện thỏa thuận khấu trừ vào khoản tiền còn nợ của bị cáo. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này và không đề cập giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền dùng làm phương tiện phạm tội 52.500.000 đồng và tiền phát sinh từ tội phạm 10.410.000 đồng, tổng cộng là 62.910.000 đồng; Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 giấy thỏa thuận vay tiền ghi ngày 25/7/2021 giữa bị cáo và bà Trần Thị Kim C.

Đối với Nguyễn Văn Q có hành vi thu tiền lãi của người vay dùm Th, Quý không biết Th cho vay lãi nặng, không hưởng lợi, tuy không xử lý nhưng cần công khai giáo dục tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố X, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông (bà) Bùi Thị Thu Tr, Nguyễn Quang N, Nguyễn Thị T1, Cao Thị H và những người làm chứng các ông (bà) Trần Nguyên Đáng V, Nguyễn Văn Q, Trần Hữu P, Võ Thị Th1, Nguyễn Thành Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong giai đoạn điều tra nên việc vắng mặt không gây

trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung:

[3] Hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai người làm chứng, phù hợp với giấy thỏa thuận vay tiền giữa bị cáo và bà Trần Thị Kim C, ghi ngày 25/7/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định:

Trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2018 đến tháng 20/7/2021, bị cáo đã có hành vi cho Cao Thị H, Nguyễn Thị T1, Bùi Thị Thu Tr, Trần Cảnh T, Trần Thị Kim C và Nguyễn Quang N vay với tổng số tiền 52.500.000 đồng, lãi suất từ 360%/năm (10.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày), 720%/năm (20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày) và 1.800%/năm (50.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày), lãi suất bị cáo cho vay gấp 18 lần, 36 lần và 90 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm). Tổng số tiền lãi bị cáo thu theo quy định pháp luật là 10.410.120 đồng, tổng số tiền lãi bị cáo thu vượt quá quy định pháp luật (tiền thu lợi bất chính) là 179.524.880 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Đồng thời, lãi suất bị cáo cho vay đã vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng. Mặc dù, việc cho vay là sự thỏa thuận giữa các cá nhân với nhau trong giao dịch dân sự nhưng hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo có tính chất bóc lột nhằm thu lợi bất chính, làm người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn, dẫn đến nhiều hệ lụy xấu cho xã hội. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo, trở thành công dân chấp hành đúng pháp luật. Đồng thời, đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục, ngăn ngừa hoạt động tín dụng đen và các biến tướng của tín dụng đen đang diễn ra ngày càng tinh vi, phức tạp trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền gốc 52.500.000 đồng bị cáo dùng để cho vay, trong đó bà Tr đã bán xe mô tô cho bị cáo để khấu trừ nợ gốc 10.000.000 đồng, còn nợ 1.000.000 đồng, bà Huệ nợ 6.000.000 đồng, bà Thêm nợ 3.500.000 đồng, ông Trường nợ 3.000.000 đồng, bà Chi nợ 25.000.000 đồng và ông Nghĩa nợ 4.000.000 đồng, số tiền này là phương tiện phạm tội, nếu người vay chưa trả cho bị cáo thì phải buộc người vay giao nộp để sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy những người vay đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên mới chấp nhận đi vay lãi nặng của bị cáo, đồng thời trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo xác định tự nguyện xóa toàn bộ nợ cho những người vay này vì đã trả lãi vượt nợ gốc. Do đó, cần buộc bị cáo giao nộp số tiền 52.500.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 10.410.120 đồng là khoản tiền lãi bị cáo thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự nhưng đây là khoản tiền phát sinh từ việc phạm tội nên xét buộc bị cáo giao nộp để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 179.524.880 đồng là khoản tiền lãi bị cáo thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, đây là khoản thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì khoản tiền này trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này do giữa họ và bị cáo đã thỏa thuận xóa toàn bộ nợ gốc và lãi. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận và quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 giấy thỏa thuận vay tiền giữa bị cáo và bà Trần Thị Kim C, ghi ngày 25/7/2021 là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[8] Những vấn đề khác:

- Đối với ông Nguyễn Văn Q có hành vi đi thu tiền lãi của những người vay dùng cho bị cáo, lời khai của bị cáo và ông Quý đều thống nhất việc ông

Quý không cùng với bị cáo tham gia cho vay lãi nặng và không hưởng lợi từ việc thu tiền này. Do đó, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Quý là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cần công khai nhắc nhở đề nâng cao ý thức cảnh giác và chấp hành pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo: Trần Hoàng Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Hoàng Th 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trần Hoàng Th 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

- Buộc bị cáo Trần Hoàng Th phải nộp 52.500.0000 (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng và 10.410.120 (mười triệu bốn trăm mười nghìn một trăm hai mươi) đồng vào Ngân sách nhà nước.

Tổng cộng các khoản tiền bị cáo Trần Hoàng Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 102.910.120 (một trăm lẻ hai triệu chín trăm mười nghìn một trăm hai mươi) đồng.

- 01 (một) giấy thỏa thuận vay tiền giữa Trần Hoàng Th và người vay tiền Trần Thị Kim C, ghi ngày 25/7/2021, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Hoàng Th phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Cảnh T, bà Trần Thị Kim C có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Võ Đại Nam